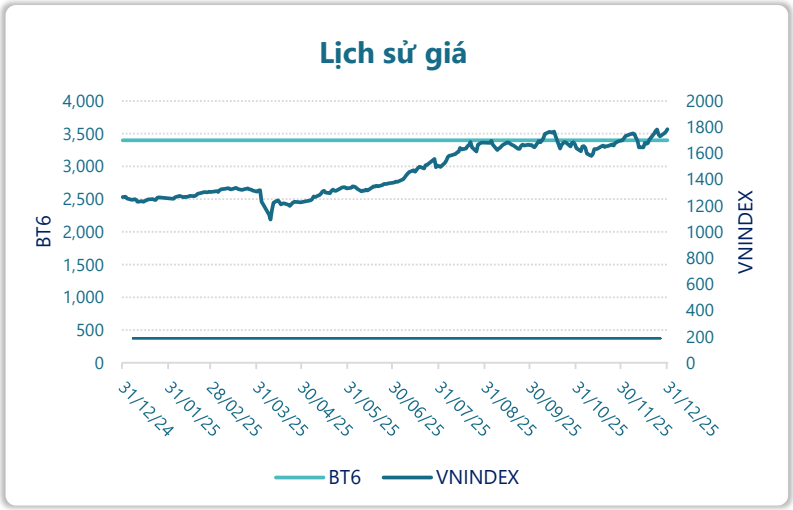
FireAnt

CTCP Beton 6 (UPCOM: BT6)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**3,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,400
SL cổ phiếu LH	32,905,510
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	8.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	112
P/E	-2.2
EPS	-1,574

DT thuần

Q4/25

32.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 15.5| 91.6%

YoY: ▲ 2.10| 6.8%

LN sau thuế

Q4/25

-52.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼51.2| -3201%

YoY: ▼39.7| -303%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

12.6%

+/- YoY: ▲ 25.8%

DT thuần

2025

109

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 32.7| 43.2%

LN sau thuế

2025

-51.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 25.1| 32.7%

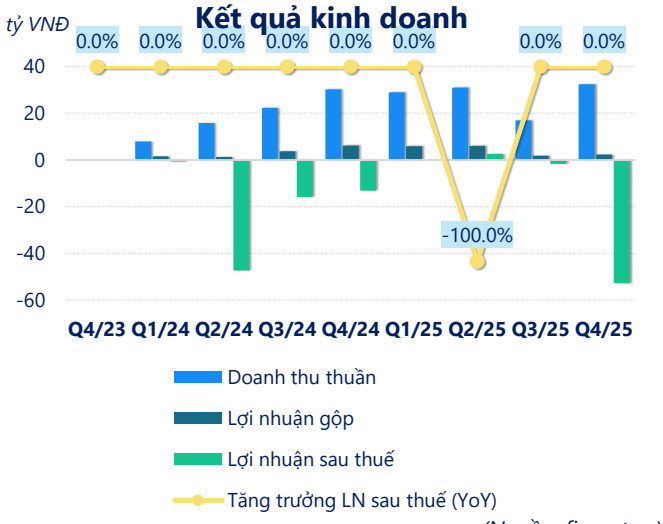
ROE

2025

5.1%

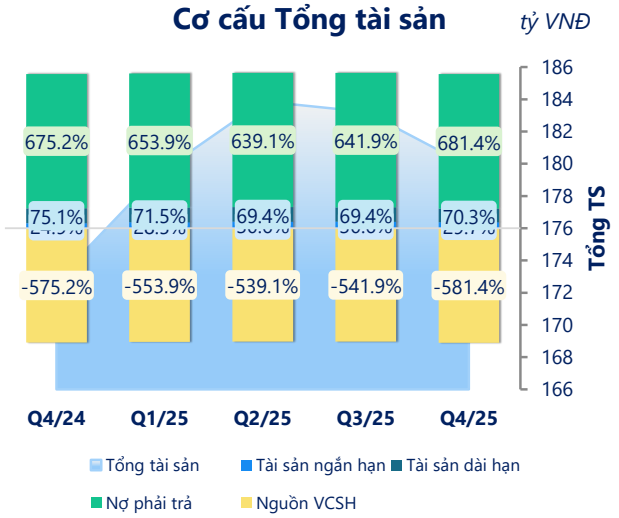
+/- YoY: ▼ 3.0%

Kết quả kinh doanh



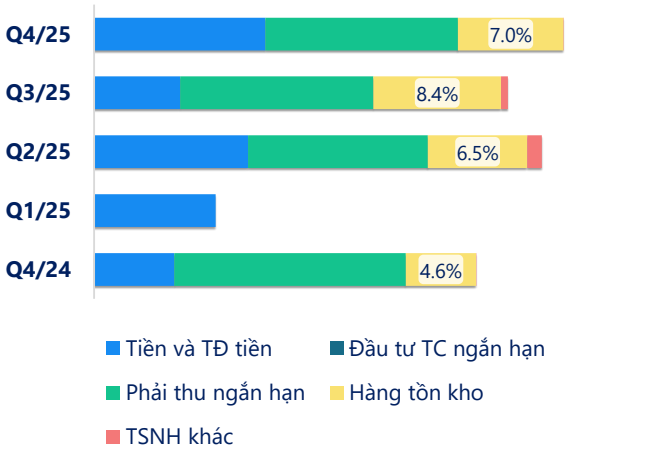
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



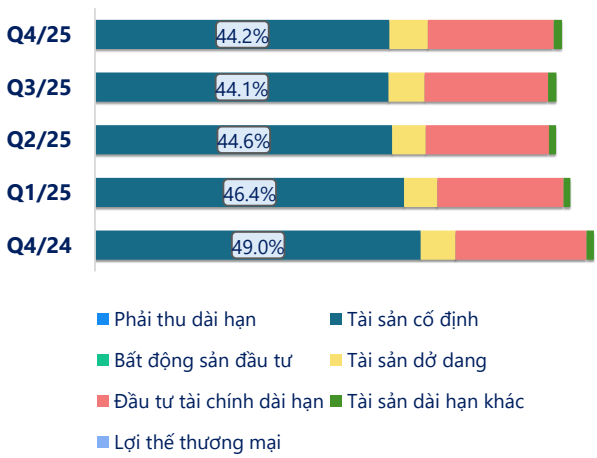
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



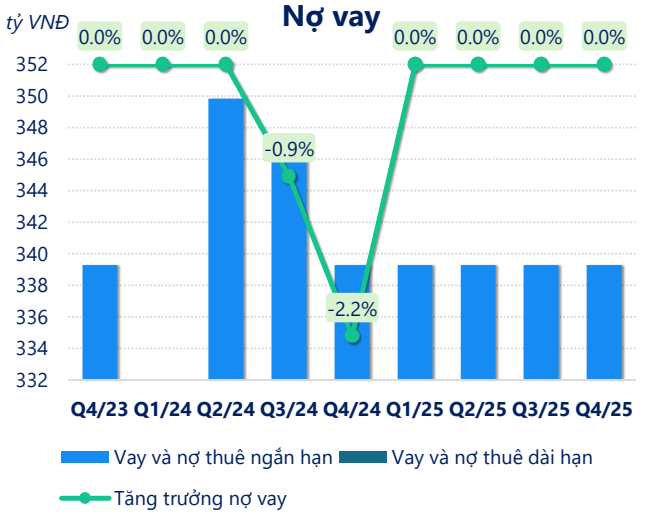
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



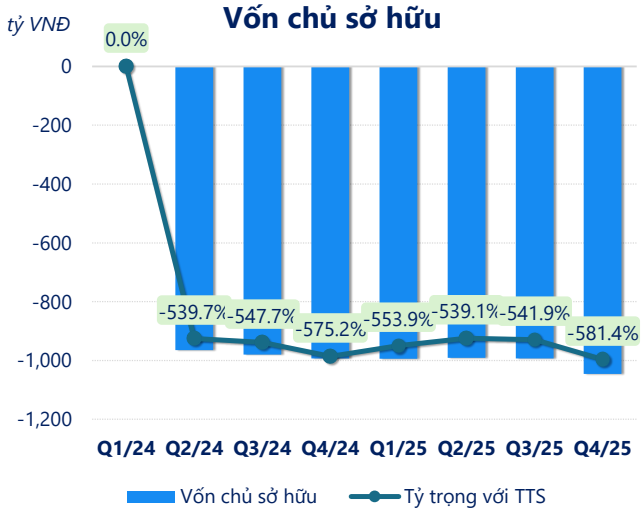
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



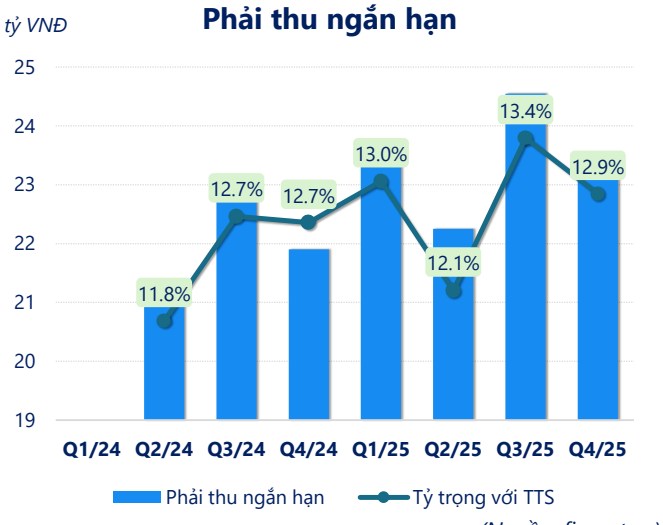
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



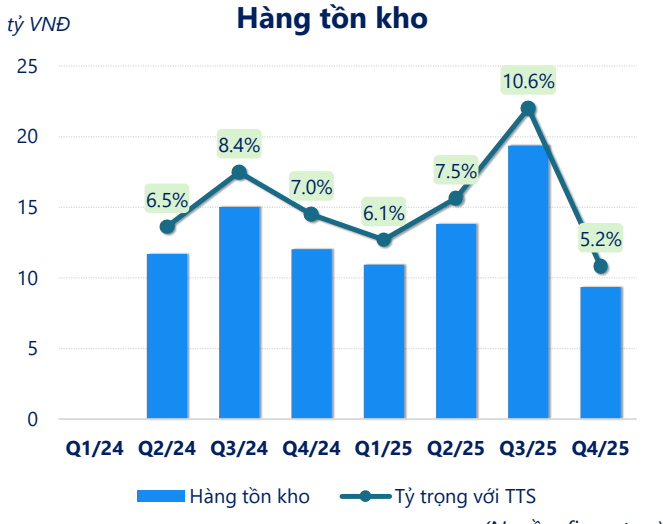
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



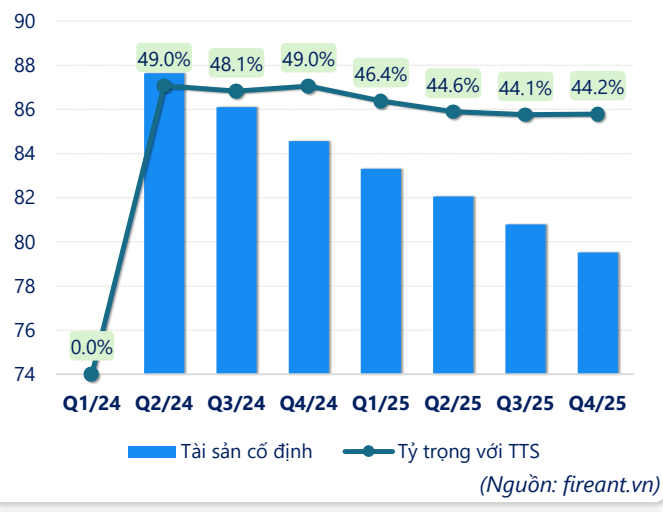
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



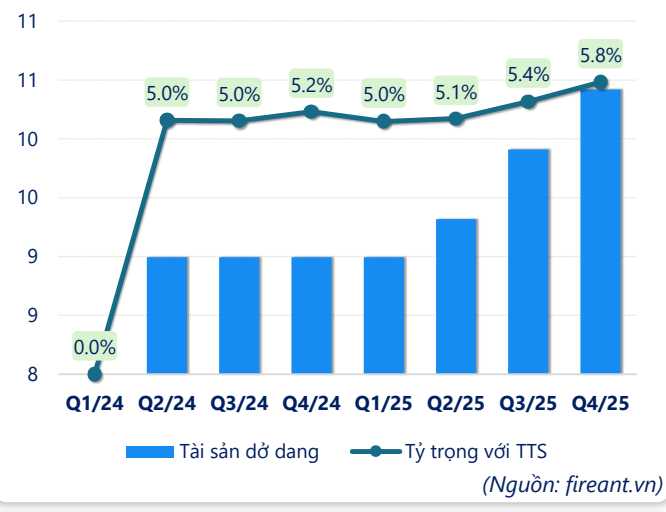
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



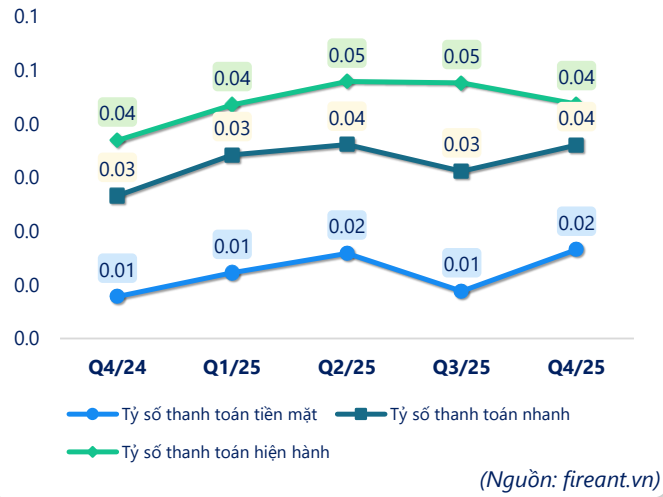
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



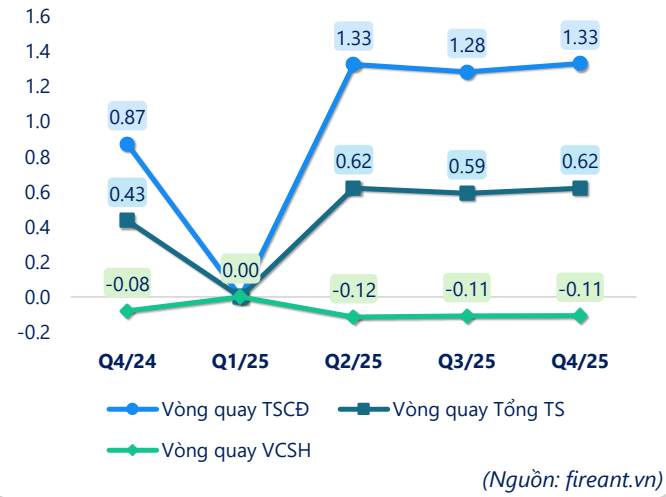
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**173**	**179**	**184**	**183**	**180**
Tài sản ngắn hạn	**43.1**	**51.1**	**56.3**	**56.0**	**53.5**
Tiền và tương đương tiền	9.11	14.4	18.6	10.4	20.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0.60	0.60
Phải thu ngắn hạn	21.9	23.4	22.3	24.5	23.2
Hàng tồn kho	12.0	10.9	13.8	19.4	9.35
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	2.37	1.57	1.12	0.01
Tài sản dài hạn	**130**	**128**	**128**	**127**	**126**
Phải thu dài hạn	0.13	0.13	0.13	0.13	0.13
Tài sản cố định	84.6	83.3	82.0	80.8	79.5
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	8.99	8.99	9.32	9.91	10.4
Đầu tư tài chính dài hạn	34.1	34.1	34.1	34.1	34.1
Tài sản dài hạn khác	1.95	1.89	2.05	2.34	2.25
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,166**	**1,173**	**1,175**	**1,176**	**1,226**
Nợ ngắn hạn	**1,166**	**1,173**	**1,175**	**1,176**	**1,224**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	339	339	339	339	339
Phải trả người bán ngắn hạn	142	143	143	140	138
Nợ dài hạn	0	0	0	0	1.70
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-994**	**-994**	**-991**	**-993**	**-1,046**
Vốn chủ sở hữu	**-994**	**-994**	**-991**	**-993**	**-1,046**
Vốn điều lệ	330	330	330	330	330
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)